

Bản án số: 35/2022/DS-ST

Ngày: 10/5/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

**NH.DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH.DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhàn.**

Các Hội thẩm Nh.dân: 1. Ông **Võ Quang Truyền.**

2. Ông **Trần Văn Thạch.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Quân** – Thư ký Tòa án Nh.dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát Nh.dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nh.dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **TrTKD**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số 74, đường Hai Bà Trưng, khu phố 3, phường LH, thị xã HT, tỉnh TN.

*** Bị đơn:** Bà **BTN**, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ : Số 144, đường Trương Quyền, khu phố 2, phường LH, thị xã HT, tỉnh TN.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông **LHN**, sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ : Số 144, đường Trương Quyền, khu phố 2, phường LH, thị xã HT, tỉnh TN.

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà TrTKD trình bày:***

Từ ngày 12/6/2018 (nhằm ngày 29/4/2018 âm lịch) đến ngày 31/7/2019 (nhằm ngày 29/6/2019 âm lịch) bà có tham gia góp hội với bà BTN làm chủ thảo, đây hội 5.000.000 đồng/tháng, tổng số 22 phần hội, góp hội lần đầu vào ngày 12/6/2018, bà tham gia 02 phần, mỗi phần góp 5.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 12/6/2018 đến ngày 31/7/2019, bà góp hội cho bà BTN 15 lần, mỗi lần góp 02 phần, tổng cộng với số tiền là 111.840.000 đồng. Ngày 31/7/2019, bà Nh.tuyên bố vỡ hội nhưng không nêu rõ lý do. Bà nhiều lần yêu cầu bà Nh.trả lại tiền góp hội cho bà nhưng bà Nh.hứa hẹn rồi không trả. Bà Nh.nợ tiền góp hội của bà thể hiện qua ghi âm cuộc đối thoại giữa bà với bà Nhân.

Nay bà yêu cầu bà Nh.và ông Lê Hoài Nh.cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà 98.000.000 đồng tiền nợ hội, không yêu cầu tính tiền lãi.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2021 bị đơn bà BTN trình bày:***

Năm 2018, bà làm chủ thảo hội, bà TrTKD là hội viên. Bà D. tham gia góp hội 02 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng /tháng. Bà D. đóng hội sống bao nhiêu lần không nhớ nhưng bà D. đóng hội sống tổng cộng 100.000.000 đồng. Bà đã trả cho bà D. được 2.000.000 đồng còn nợ lại tiền hội 98.000.000 đồng. Việc bà làm chủ thảo hội thì chồng bà là ông Lê Hoài Nh.hoàn toàn không biết. Hội 5.000.000 đồng/tháng khi hội viên lĩnh hội thì bà được hưởng huê hồng 2.500.000 đồng/phần. Tiền huê hồng thì bà tiêu xài cá Nh.chứ không dùng để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Từ năm 2015, vợ chồng bà sống chung nhà nhưng việc ai nấy làm, không quan tâm nhau, việc của người nào người đó biết. Nay bà đồng ý trả lại cho bà D. 98.000.000 đồng tiền nợ hội.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoài Nh.trình bày:***

Ông thấy bà D. có đến nhà ông để quan hệ mua bán quần áo may sẵn hay là quan hệ chơi hội với nhau thì ông không biết. Việc vợ ông là bà BTN làm chủ thảo hội thì ông không biết. Tiền sinh hoạt trong gia đình và nuôi dạy các con là do vợ chồng ông cùng bỏ ra, tiền vợ ông bỏ ra ông không biết từ đâu mà có, từ thu nhập mua bán quần áo hay là từ tiền huê hồng hội mà có thì ông không biết, ông chỉ biết nhiều người kiện vợ ông về việc góp hội khi Tòa án mời ông làm việc. Từ năm 2015, vợ chồng ông vẫn sống chung nhà nhưng không quan hệ vợ chồng và từ năm 2019, ông không còn sống chung với nhau nữa, ông về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Việc vợ ông thiếu nợ tiền vay, tiền hội của người khác thì ông hoàn toàn không biết.

Nay bà D. yêu cầu ông có trách nhiệm liên đới cùng với vợ ông trả nợ tiền hội cho bà D. thì ông không đồng ý, vì việc vợ ông nợ tiền hội bà D. ông không biết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát Nh.dân thị xã HT:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Về nội dung: Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; các Điều 18, 22, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Điều 27 Luật Hôn Nh.và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TrTKD. Buộc bà BTN, ông Lê Hoài Nh.cùng có nghĩa vụ trả cho bà D. số tiền nợ hội 98.000.000 đồng, ghi nhận bà D. không yêu cầu tính tiền lãi.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà BTN và bà TrTKD đều thừa nhận có quan hệ góp hội với nhau, bà Nh.là chủ thảo, bà D. là hội viên. Nay bà D. yêu cầu bà BTN, ông Lê Hoài Nh.trả lại cho bà 98.000.000 đồng tiền nợ hội và không tính tiền lãi cho nên quan hệ tranh chấp vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bà BTN, ông Lê Hoài Nh.có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà BTN, ông Lê Hoài Nh.theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà TrTKD, thấy rằng:

Bà TrTKD và bà Bùi Nh.đều thừa nhận có quan hệ góp hội với nhau và hiện nay bà D. yêu cầu bà Nh.trả lại cho bà D. 98.000.000 đồng tiền nợ hội và bà Nh.đồng ý. Việc bà D. yêu cầu ông Lê Hoài Nh.có trách nhiệm cùng bà BTN cùng trả nợ cho bà D. là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, bà Nh.làm chủ thảo hội để hưởng tiền huê hồng, dùng để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình, đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Cho nên, bà Nhân, ông Nh.cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà D.. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. đối với bà Nhân, ông Nhân.

[4]. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. đối với bà Nhân, ông Nhân. Buộc bà Nhân, ông Nh.có nghĩa vụ trả cho bà D. 98.000.000 đồng tiền nợ hội, ghi nhận bà D. không yêu cầu tính tiền lãi..

[5]. Về án phí: Bà Nhân, ông Nh.phải chịu 4.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn Nh.và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D. đối với bà BTN, ông Lê Hoài Nh.về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Buộc bà BTN, ông Lê Hoài Nh.có nghĩa vụ trả lại cho bà TrTKD số tiền 98.00.000 đồng, ghi nhận bà TrTKD không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Bà BTN, ông Lê Hoài Nh.phải chịu 4.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà TrTKD 2.796.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0009721 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

Bà TrTKD có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án Nh.dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà BTN, ông Lê Hoài Nh.có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án Nh.dân tỉnh TN trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- CCTHADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Lâm Tấn Nhân